

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY N
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 160/2024/HNGĐ- ST
Ngày 09/12/2024
V/v: “Xin ly hôn ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY N, TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Thanh Phong

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Lê Thị Thu Hồng

Bà Mai Thị Nhắc

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Sương- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày N tham gia phiên toà:*
Bà Nguyễn Thị Xuân Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày **09** tháng **12** năm **2024** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 420/2024/TLST- HN, ngày 07 tháng 10 năm 2024; về việc “xin ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 537/2024/QĐXXST-HN ngày 11/11/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 560/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25/11/2024 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Phạm Hoài N, sinh năm 1991; *Trú tại:* Ấp Hoà Th, xã Hoà L, huyện Mỏ Cày B, tỉnh Bến Tre (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

* **Bị đơn:** Khấu Bảo N1, sinh năm 1993; *Trú tại:* Khu phố 4, thị trấn Mỏ C, huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn anh N trình bày:

Vào năm 2014 tôi và N1 đã tiến tới hôn nhân, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hoà Lộc, huyện Mỏ Cày Bắc. Sau khi cưới nhau vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp, chúng tôi sống ly thân từ tháng 11/2023 đến nay. Nay tôi xin ly hôn với N1.

Quá trình sống chung vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Thiên Di, sinh ngày 03/11/2013 và Phạm Bảo Châu, sinh ngày 12/11/2015. Sau khi ly hôn tôi yêu cầu được nuôi cả hai con, tôi không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung; Nợ chung: Không có.

Bị đơn Khẩu Bảo N1 vắng mặt trong các giai đoạn tố tụng của Tòa án và cũng không có bất cứ lời trình bày nào đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm cho rằng các giai đoạn tố tụng của Tòa án từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện nhiệm vụ tuân thủ đúng các quy định pháp luật, người tham gia tố tụng bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án nhưng không ảnh hưởng đến việc xét xử, nên đề nghị tiếp tục xét xử vụ án. Về nội dung vụ án đề nghị Áp dụng điều 56, 81, 82, 83, 84 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh N.

Về con chung: Đề nghị giao cả hai con cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận anh N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung; Nợ chung: Không có, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận thấy:

**** Về áp dụng pháp luật tố tụng:***

[1] Về quyền khởi kiện: Anh N cho rằng quá trình sống chung giữa vợ chồng không còn hạnh phúc nên muốn ly hôn, do đó anh khởi kiện. Căn cứ điều 51 luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 điều 68, điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự thì anh N có quyền khởi kiện.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Đối với yêu cầu của anh N là tranh chấp về việc ly hôn. Căn cứ khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thì loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và nơi cư trú của bị đơn thuộc thị trấn Mỏ Cày, huyện Mỏ Cày N. Căn cứ điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày N thụ lý giải quyết là phù hợp pháp luật.

[3] Chị N1 đã được triệu tập xét xử hai lần hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, anh N có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh N, chị N1.

**** Về nội dung giải quyết vụ án:***

[1] Chị N1, anh N kết hôn trên cơ sở tự tìm hiểu quen biết và tự nguyện tiến đến hôn nhân, anh, chị có đăng ký kết hôn tại UBND cấp có thẩm quyền, do đó hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp, nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn anh chị sống có hạnh phúc, lẽ ra anh, chị phải biết gìn giữ, nhưng từ

những mâu thuẫn trong đời sống thường ngày mà anh, chị không tìm cách để khắc phục, sống ly thân bỏ mặt nhau. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết anh N vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn, còn chị N1 đã được triệu tập rất nhiều lần để Tòa án tiến hành tổ chức hòa giải tạo điều kiện cho vợ chồng đoàn tụ nhưng chị vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Điều đó cho thấy chị N1 không có thiện chí muốn trở về chung sống với anh N. Xét mâu thuẫn vợ chồng anh chị là có thật, nếu để anh chị tiếp tục chung sống thì mục đích hôn nhân sẽ không đạt được, do đó chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh N là phù hợp.

[2] Về con chung: vợ chồng anh chị có 02 con chung tên Phạm Thiên Di, sinh ngày 03/11/2013 và Phạm Bảo Châu, sinh ngày 12/11/2015, từ lúc vợ chồng ly thân thì con sống cùng anh N, các bé đã thích nghi với việc chăm sóc giáo dục của anh N, nguyện vọng của các con sau khi được hỏi ý kiến cũng mong muốn sống cùng anh N, nên tiếp tục giao con cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, anh N không yêu cầu cấp dưỡng là tự nguyện, nên ghi nhận.

[3] Tài sản chung; Nợ chung: Không có nên không xem xét.

[4] Anh N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[5] Quan điểm của kiểm sát viên phù hợp quan điểm của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 5 điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Phạm Hoài N. Anh Phạm Hoài N được ly hôn với chị Khấu Bảo N1.

Về con chung: Anh N được trực tiếp nuôi con Phạm Thiên Di, sinh ngày 03/11/2013 và Phạm Bảo Châu, sinh ngày 12/11/2015, chị N1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ đều có quyền và nghĩa vụ ngang nhau đối với con chung, người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, khi có căn cứ một hoặc cả hai bên chị N1, anh N được quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung; Nợ chung: Không có nên không xem xét.

Án phí: Anh N chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003760 ngày 04/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày N.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày N (2b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày N(1b);
- UBND xã Hoà Lộc (1b)
- Những người tham gia tố tụng (2b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký